

Số 14/TB-THPCHH

Hải Hậu, ngày 04 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách đối với người học

Thực hiện Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nhà trường tiến hành công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách năm học 2023 - 2024 về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học như sau:

Năm học 2023 – 2024, thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2021-2022. Nhà trường đã thực hiện đầy đủ chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội. Nhà trường đã chi trả trực tiếp, đầy đủ chế độ nêu trên tại bộ phận thủ quỹ của đơn vị, cụ thể:

1. **Kỳ 1 năm học 2023-2024:**

- Số học sinh miễn 100% học phí là 19 học sinh, mức miễn là 90.000đ/tháng/HS. Số tháng được hỗ trợ là 04 tháng, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được miễn	Số tháng được miễn	Số tiền được miễn	Ghi chú
1	Phạm Văn Tuấn	10A4		4	360.000	Con hộ nghèo
2	Trịnh Duy Hiệu	10A7		4	360.000	Con TB
3	Phạm Ngọc Anh	10A7		4	360.000	Mồ côi
4	Vũ Miên Biên Thùy	10A7		4	360.000	Khuyết tật
5	Ninh Thị Hà	10A9		4	360.000	Con hộ nghèo
6	Lê Thị Hồng Huế	10A9		4	360.000	Con hộ nghèo
7	Phạm Thành Đồng	11B1		4	360.000	Con bệnh binh
8	Phạm Thị An Đông	11B1		4	360.000	Con bệnh binh
9	Cao Thị Thu Trang	11B5		4	360.000	Con hộ nghèo
10	Vũ Khánh Ly	11B8		4	360.000	Con hộ nghèo
11	Lê Thị Tố Uyên	11B9		4	360.000	Con hộ nghèo
12	Lê Thị Thu Hiền	12C1		4	360.000	Con hộ nghèo
13	Đỗ Đức Kiệt	12C1		4	360.000	Con hộ nghèo
14	Nguyễn Diệu Linh	12C1		4	360.000	Con hộ nghèo

15	Trần Thị Hiền	12C2		4	360.000	Con hộ nghèo
16	Nguyễn Thị Kiều Trinh	12C3		4	360.000	Con hộ nghèo
17	Nguyễn Đức Thái	12C4		4	360.000	Khuyết tật, hộ nghèo
18	Trần Thị Bích Đào	12C6		4	360.000	Con hộ nghèo
19	Phạm Anh Thư	12C10		4	360.000	Con hộ nghèo
	Cộng				6.840.000	

- Số học sinh giảm 50% học phí là 07 học sinh, mức miễn là 45.000đ/tháng/HS.
Số tháng được hỗ trợ là 04 tháng, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được giảm	Số tháng được giảm	Số tiền được giảm	Ghi chú
1	Bùi Lưu Ly	10A3		4	180.000	Cận nghèo
2	Cao Thanh Du	10A5		4	180.000	Cận nghèo
3	Hoàng Thị Mỹ Tôm	11B2		4	180.000	Cận nghèo
4	Phạm Thị Thanh Trà	11B4		4	180.000	Cận nghèo
5	Đỗ Quang Huy	12C2		4	180.000	Cận nghèo
6	Nguyễn Thụy Dung	12C5		4	180.000	Cận nghèo
7	Đặng Trần Thu Hiền	12C6		4	180.000	Cận nghèo
	Cộng				1.260.000	

- Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập là 16 học sinh, mức hỗ trợ là 150.000đ/tháng/HS. Số tháng được hỗ trợ là 04 tháng, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ CPHT	Số tiền được hỗ trợ CPHT	Ghi chú
1	Phạm Văn Tuấn	10A4	150.000	4	600.000	Con hộ nghèo
2	Phạm Ngọc Anh	10A7	150.000	4	600.000	Mồ côi
3	Vũ Miên Biên Thùy	10A7	150.000	4	600.000	Khuyết tật
4	Ninh Thị Hà	10A9	150.000	4	600.000	Con hộ nghèo
5	Lê Thị Hồng Huệ	10A9	150.000	4	600.000	Con hộ nghèo
6	Cao Thị Thu Trang	11B5	150.000	4	600.000	Con hộ nghèo
7	Vũ Khánh Ly	11B8	150.000	4	600.000	Con hộ nghèo
8	Lê Thị Tố Uyên	11B9	150.000	4	600.000	Con hộ nghèo

9	Lê Thị Thu Hiền	12C1	150.000	4	600.000	Con hộ nghèo
10	Đỗ Đức Kiệt	12C1	150.000	4	600.000	Con hộ nghèo
11	Nguyễn Diệu Linh	12C1	150.000	4	600.000	Con hộ nghèo
12	Trần Thị Hiền	12C2	150.000	4	600.000	Con hộ nghèo
13	Nguyễn Thị Kiều Trinh	12C3	150.000	4	600.000	Con hộ nghèo
14	Nguyễn Đức Thái	12C4	150.000	4	600.000	Khuyết tật, hộ nghèo
15	Trần Thị Bích Đào	12C6	150.000	4	600.000	Con hộ nghèo
16	Phạm Anh Thư	12C10	150.000	4	600.000	Con hộ nghèo
Cộng					9.600.000	

- Số học sinh được hỗ trợ học bổng phương tiện đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, cận nghèo, 01 học sinh mức hỗ trợ là 1.551.000/tháng/HS. Số tháng được hỗ trợ là 04 tháng, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Lớp	Hỗ trợ học bổng	Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập	Tổng tiền được hỗ trợ	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Thái	12C4	5.760.000	444.000	6.204.000	

2. Kỳ 2 năm học 2023-2024:

- Số học sinh miễn 100% học phí là 14 học sinh, mức miễn là 90.000đ/tháng/HS. Số tháng được miễn là 05 tháng, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được miễn	Số tháng được miễn	Số tiền được miễn	Ghi chú
1	Phạm Văn Tuấn	10A4	90.000	5	450.000	Hộ nghèo
2	Phạm Ngọc Anh	10A7	90.000	5	450.000	Mồ côi
3	Trịnh Huy Hiện	10A7	90.000	5	450.000	Con TB
4	Vũ Miên Biên Thùy	10A7	90.000	5	450.000	Khuyết tật
5	Ninh Thị Hà	10A9	90.000	5	450.000	Hộ nghèo
6	Phạm Thành Đồng	11B1	90.000	5	450.000	Con bệnh binh
7	Phạm Thị An Đông	11B1	90.000	5	450.000	Con bệnh binh
8	Phạm Đức Thắng	11B5	90.000	5	450.000	Hộ nghèo

9	Vũ Khánh Ly	11B8	90.000	5	450.000	Hộ nghèo
10	Lê Thị Tố Uyên	11B9	90.000	5	450.000	Hộ nghèo
11	Đỗ Đức Kiệt	12C1	90.000	5	450.000	Hộ nghèo
12	Nguyễn Diệu Linh	12C1	90.000	5	450.000	Hộ nghèo
13	Trần Thị Hiên	12C2	90.000	5	450.000	Hộ nghèo
14	Nguyễn Đức Thái	12C4	90.000	5	450.000	Hộ Cận nghèo, khuyết tật
Cộng					6.300.000	

- Số học sinh giảm 50% học phí là 12 học sinh, mức miễn là 45.000đ/tháng/HS. Số tháng được giảm là 05 tháng, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được giảm	Số tháng được giảm	Số tiền được giảm	Ghi chú
1	Cao Thanh Du	10A5	45.000	5	225.000	Hộ cận nghèo
2	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	10A8	45.000	5	225.000	Hộ cận nghèo
3	Lê Thị Hồng Huệ	10A9	45.000	5	225.000	Hộ cận nghèo
4	Nguyễn Thị Ngọc Hà	10A10	45.000	5	225.000	Hộ cận nghèo
5	Cao Thị Thu Trang	11B5	45.000	5	225.000	Hộ cận nghèo
6	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	11B6	45.000	5	225.000	Hộ cận nghèo
7	Lê Thị Thu Hiên	12C1	45.000	5	225.000	Hộ cận nghèo
8	Đỗ Quang Huy	12C2	45.000	5	225.000	Hộ cận nghèo
9	Đỗ Thị Tú Quyên	12C3	45.000	5	225.000	Hộ cận nghèo
10	Nguyễn Thùy Dung	12C5	45.000	5	225.000	Hộ cận nghèo
11	Lê Văn Sâm	12C5	45.000	5	225.000	Hộ cận nghèo
12	Trần Thị Bích Đào	12C6	45.000	5	225.000	Hộ cận nghèo
Cộng					2.700.000	

- Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập là 11 học sinh, mức hỗ trợ là 150.000đ/tháng/HS. Số tháng được hỗ trợ là 05 tháng, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ CPHT	Số tiền được hỗ trợ CPHT	Ghi chú
1	Phạm Văn Tuấn	10A4	150.000	5	750.000	Hộ nghèo

2	Phạm Ngọc Anh	10A7	150.000	5	750.000	Mồ côi
3	Vũ Miền Biên Thùy	10A7	150.000	5	750.000	Khuyết tật
4	Ninh Thị Hà	10A9	150.000	5	750.000	Hộ nghèo
5	Phạm Đức Thắng	11B5	150.000	5	750.000	Hộ nghèo
6	Vũ Khánh Ly	11B8	150.000	5	750.000	Hộ nghèo
7	Lê Thị Tố Uyên	11B9				Hộ nghèo
8	Đỗ Đức Kiệt	12C1	150.000	5	750.000	Hộ nghèo
9	Nguyễn Diệu Linh	12C1	150.000	5	750.000	Hộ nghèo
10	Trần Thị Hiên	12C2	150.000	5	750.000	Hộ nghèo
11	Nguyễn Đức Thái	12C4	150.000	5	750.000	Hộ nghèo, khuyết tật
Cộng					8.250.000	

- Số học sinh được hỗ trợ học bổng phương tiện đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, cận nghèo 01 học sinh, mức hỗ trợ là 1.551.000đ/tháng/HS. Số tháng được hỗ trợ là 05 tháng, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Lớp	Hỗ trợ học bổng	Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập	Tổng tiền được hỗ trợ	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Thái	12C4	7.200.000	555.000	7.755.000	

- Tổng số tiền miễn học phí học kỳ 1: 6.840.000 đồng;
- Tổng số tiền giảm học phí học kỳ 1: 1.260.000 đồng;
- Tổng số tiền hỗ trợ chi phí học tập học kỳ 1: 9.600.000 đồng.
- Tổng số tiền hỗ trợ đối với HSKT học kỳ 1: 6.204.000đ
- Tổng số tiền miễn học phí học kỳ 2: 6.300.000 đồng;
- Tổng số tiền giảm học phí học kỳ 2: 2.700.000 đồng;
- Tổng số tiền hỗ trợ chi phí học tập học kỳ 2: 8.250.000 đồng
- Tổng số tiền hỗ trợ đối với HSKT học kỳ 2: 7.755.000đ



Hiện trưởng
Nguyễn Văn Chiểu

